TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HS-ST
Ngày 16 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân : Bà Hoàng Thị Hồng
Ông Trịnh Văn Thọ
- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:*
Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2019/TLST - HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST - HS ngày 29/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc V ; Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1987 tại xã T , huyện T , tỉnh T ; Nơi cư trú: Thôn 2 xã T , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N ; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Nguyễn Thị D ; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn N ; Sinh ngày 11 tháng 02 năm 1983 tại xã T , huyện T , tỉnh T ; Nơi cư trú: Thôn 2 xã T , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N ; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Lê Thị H (Đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Người bị hại: Anh Phạm Hữu H , sinh năm 1970. Có mặt

Trú tại: Thôn 1 xã T , huyện T , tỉnh T .

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Đức C ; Sinh năm 1959. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 3 xã T , huyện T , tỉnh T .

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1962. Vắng mặt

3. Anh Phạm Văn T , sinh năm 1964. Vắng mặt

4. Chị Phạm Thị T , sinh năm 1973. Có mặt

Đều trú tại: Thôn 1 xã T , huyện T , tỉnh T .

5. Anh Lại Văn T , sinh năm 1968. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 7 xã K , huyện Y , tỉnh N

6. Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1961. Vắng mặt

7. Anh Vũ Đình C , sinh năm 1964. Có mặt

8. Anh Phạm Văn C , sinh năm 1993. Vắng mặt

9. Chị Lê Thị M , sinh năm 1968. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn 2 xã T , huyện T , tỉnh T .

10. Bà Phạm Thị H , sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 5 xã T , huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 09 giờ ngày 23/9/2018 Nguyễn Ngọc V đưa máy gặt ra đồng để gặt lúa. Đến nơi V thấy Phạm Hữu H đang hướng dẫn cho anh Lại Văn T (Chủ máy gặt) đang gặt lúa tại khu vực V đã ký kết thỏa thuận gặt lúa với UBND xã T , giữa V , H và anh T cãi nhau về việc H và anh T vi phạm hợp đồng ký kết với UBND xã T . Lúc sau V không cãi nhau với H và anh T nữa mà đi về.

Khoảng 9h30 phút cùng ngày, V đi xe mô tô đến máy gặt khác của nhà Văn đang gặt lúa tại thôn 3 xã T , lúc này V cầm theo 01 đoạn gậy gỗ dài khoảng 01m. Khi V đi đến đoạn đường kênh Bắc thuộc thôn 2 xã T thì thấy máy gặt của H do anh T điều khiển đang đi trên đường nên V dừng xe mô tô lại và tiếp tục cãi nhau với H . Nguyễn Văn N (anh trai của V) nghe tin V đang cãi nhau với H và anh T nên N đi đến địa điểm V và H đang cãi nhau. Khi đi N đem theo 01 đoạn gậy gỗ, khi đến nơi N nói với anh T : "Việc gặt lúa đã được phân chia rồi nếu có đánh nhau thì tôi cũng không sợ". Sau đó giữa N , H và anh T cãi nhau, N dùng đoạn gậy gỗ đánh về phía H và T , H giơ tay phải lên đỡ thì bị gậy đánh trúng vào cổ tay phải. V dùng gậy gỗ chọc về phía T đang ngồi ghế lái thì gậy bị kẹt lại trên thân máy gặt. H nhảy xuống khỏi máy gặt vòng lại phía sau máy gặt lấy 01 đoạn gậy tre để đánh nhau với N và V . H cầm gậy vụt từ trên xuống đầu N , N giơ tay phải lên đỡ thì bị gậy đánh trúng vào

cẳng tay phải, H đánh liên tiếp 02 cái trúng vào đầu N . Sau đó H và N tiếp tục vật lộn nhau trên đoạn đường rải sỏi và đá răm. Khi H đang ngồi đè trên người N thì V chạy đến tay cầm đoạn gậy đánh vào đầu H . Lúc này có ông Phạm Văn T đến can ngăn nên H và N buông nhau ra. N đi về phía đám keo bên đường lấy một đoạn gậy cành cây keo đánh về phía H , ông T vào can ngăn nên bị N đánh trúng vào cổ tay trái của ông T . Sau khi sảy ra sự việc cả H và N đều bị thương và được đưa đến Bệnh viện điều trị.

Ngày 23/9/2018 anh T giao nộp cho cơ quan điều tra Công an huyện Thọ Xuân 01 đoạn gậy gỗ có vỏ bọc dài 93cm; 02 đoạn gậy gỗ dạng cành cây gồm: 01 đoạn dài 51 cm, 01 đoạn dài 49cm và 01 đoạn gậy tre dài 1,03m.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh Phạm Hữu H xác định: Tại đầu gối vị trí bên phải có một vết xước sưng đỏ rộng 10cm, dài 10cm. Bên trên Thái Dương bên phải có một khối sưng bầm tím và có các vết máu lan rộng 05cm. Tại vị trí cổ tay phải có vết thâm tím rộng 03cm, dài 04cm.

Cơ quan điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với anh Phạm Hữu H .

Tại bản kết luận giám định pháp y số 710/2018/TTPY ngày 13/11/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 04%.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 39/2019/TTPY ngày 23/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng phần cụ thể như sau: Phần đầu gối bên phải thương tích là 03%; Phần phía sau đỉnh đầu thương tích là 01%.

Đối với thương tích của Phạm Hữu H , quá trình điều tra chỉ xác định được thương tích do Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N gây ra ở vùng bên trên thái dương bên phải được giám định là 01%, còn thương tích ở đầu gối 03% không có căn cứ xác định do V và N gây ra nên không có căn cứ để xử lý.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 40.000.000 gồm:

- Tiền viện phí + tiền thuốc 10.000.000đ
- Tiền xe, tiền ăn uống, chi phí sinh hoạt 10.000.000đ
- Tiền mất thu nhập bệnh nhân 5.000.000đ
- Tiền mất thu nhập người chăm sóc 3.000.000đ
- Tiền tổn thất tinh thần 12.000.000đ.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 đoạn gậy gỗ có vỏ bọc dài 93cm; 02 đoạn gậy gỗ dạng cành cây gồm: 01 đoạn dài 51 cm, 01 đoạn dài 49cm hiện đang quản lý theo quy định pháp luật.

Cáo trạng số 51/CT-VKS -TX ngày 26/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N về tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N phạm tội: " Cố ý gây thương tích".

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 điều 134, điểm s, i khoản 1 điều 51; Điều 65; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc V từ 06(Sáu) đến 09(Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12(Mười hai) đến 18(Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Văn N từ 08(Tám)đến 11(Mười một)tháng Cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N cho UBND xã T , huyện T , tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại các khoản chi phí hợp lý là 4.395.000, chia phần bị cáo V phải bồi thường số tiền 3.000.000đ; Bị cáo N phải bồi thường số tiền 1.395.000đ; Buộc các bị cáo chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật; Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng 09h 30 phút ngày 23/9/2018 các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N dùng gậy gây thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể 01%(Một phần trăm) sức khoẻ cho anh Phạm Hữu H . Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Cố ý gây thương tích". Phương tiện dùng vào việc phạm tội là gậy gỗ được xem là hung khí nguy hiểm. Các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại với tỉ lệ tổn thương cơ thể 01% nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N phạm tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 51/CT-VKS -TX ngày 26/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất mức độ nghiêm trọng của vụ án: Đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng.

[4]. Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ về hành vi dùng gậy gỗ đánh người khác sẽ gây thương tích cho nạn nhân nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khoẻ của công dân. Tính mạng và sức khoẻ của con người là vốn quý được pháp luật bảo vệ nhưng các bị cáo đã coi thường sức khoẻ của người khác, bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh.

[5]. Xét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo V giữ vai trò chính. Bị cáo V trực tiếp gây thương tích cho bị hại nên bị cáo V xếp vai trò thứ 1 và phải chịu mức hình phạt cao hơn. Bị cáo N là người là người thực hiện hành vi phạm tội thứ yếu và không đáng kể nên bị cáo N phải chịu mức hình phạt tương ứng với hành vi của mình gây ra.

[6]. Về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều không có tình tiết tăng nặng; Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về hình phạt: HĐXX xét thấy các bị cáo đều có nhân thân thân tốt, lần đầu phạm tội và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Đối với bị cáo V giữ vai trò chính trong vụ án nên HĐXX áp dụng điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với bị cáo N giữ vai trò thứ yếu và không đáng kể nên HĐXX áp dụng điều 36 BLHS xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo N . Bị cáo N nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên HĐXX không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N .

[8] Về trách nhiệm bồi thường: Người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần tổng bằng 40.000.000 thì HĐXX thấy rằng:

Xét yêu cầu về số tiền viện phí + tiền thuốc là 10.000.000đ nhưng theo hóa đơn chứng từ hợp pháp chỉ có căn cứ số tiền 1.005.000đ nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 590 Bộ luật dân sự chỉ chấp nhận số tiền viện phí và tiền thuốc là 1.005.000đ.

Xét yêu cầu về tiền xe, tiền ăn uống, chi phí sinh hoạt 10.000.000đ nhưng không có hóa đơn chứng từ hợp pháp, HĐXX xét thấy tiền xe là chi phí thực tế nên căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 590 Bộ luật dân sự chấp nhận số tiền xe đi từ xã T đến bệnh viện tỉnh T 2 lượt đi về là 1.000.000đ.

Xét yêu cầu về tiền mất thu nhập bệnh nhân 5.000.000đ nhưng không có Hợp đồng lao động hoặc bảng lương nên không thể xác định được mức thu nhập ổn định của người bị hại. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 590 Bộ luật dân sự áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động phổ thông ở địa phương là 200.000đ/ngày. Theo hồ sơ bệnh án thì anh Phạm Hữu H vào viện ngày 23/9/2018 và ra viện ngày 26/9/2018, tổng số ngày điều trị là 3 ngày nên tiền mất thu nhập của người bị hại là 600.000đ.

Xét yêu cầu về tiền mất thu nhập người chăm sóc 3.000.000đ nhưng không có Hợp đồng lao động hoặc bảng lương nên không thể xác định được mức thu nhập ổn định của người chăm sóc. Mặt khác người chăm sóc anh H là chị T (Vợ anh H) khai tại phiên tòa mức thu nhập của chị không ổn định, khoảng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ/tháng nên HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 590 Bộ luật dân sự áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động phổ thông ở địa phương là 100.000đ/ngày, tổng số ngày chăm sóc là 03 ngày nên tiền mất thu nhập của người chăm sóc là 300.000đ.

Xét yêu cầu về tiền tổn thất tinh thần 12.000.000đ thì HĐXX thấy rằng: Tỉ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại là 01% nên yêu cầu về tổn thất tinh thần của người bị hại với mức 12.000.000đ là quá cao không được chấp nhận. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2 điều 590 Bộ luật dân sự chấp nhận mức bù đắp tổn thất tinh thần cho người bị hại là 01 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là 1.490.000đ.

Vì vậy buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần cho người bị hại gồm: Tiền viện phí và tiền thuốc là 1.005.000đ; Tiền xe 2 lượt đi về là 1.000.000đ; Tiền mất thu nhập của người bị hại là 600.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc là 300.000đ; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 1.490.000đ. Tổng cộng = 4.395.000đ. Chia phần bị cáo V phải bồi thường số tiền 3.000.000đ; Bị cáo N phải bồi thường số tiền 1.395.000đ.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 đoạn gậy gỗ có vỏ bọc dài 93cm; 02 đoạn gậy gỗ dạng cành cây gồm: 01 đoạn dài 51 cm, 01 đoạn dài 49cm đều là công cụ phương tiện phạm tội nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản

1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.
- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N phạm tội: "Cố ý gây thương tích".
- Căn cứ: Điểm a khoản 1 điều 134; Điểm s, i khoản 1 điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.
- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc V 06(Sáu)tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12(Mười hai)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Căn cứ: Điểm a khoản 1 điều 134; Điểm s, i khoản 1 điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.
- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 08(Tám) tháng Cải tại không giam giữ. Thời gian chấp hành án kể từ ngày UBND xã T , huyện T , tỉnh T nhận được Quyết định Thi hành án của Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh T . Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn N .

Giao các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N cho UBND xã T , huyện T , tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 590; Điều 357 Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần cho người bị hại là anh Phạm Hữu H số tiền 4.395.000đ. Chia phần bị cáo Nguyễn Ngọc V phải bồi thường số tiền 3.000.000đ; Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường số tiền 1.395.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS;

Tịch thu tiêu hủy gồm: Một đoạn gậy gỗ có vỏ bọc dài 93cm; 02 đoạn gậy gỗ dạng cành cây gồm: 01 đoạn dài 51 cm, 01 đoạn dài 49cm. Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 51 và Phiếu nhập kho số PNK 51 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T .

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Văn N , mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST; Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc V phải chịu 150.000đ án phí DSST, tổng là 350.000đ; Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 70.000đ án phí DSST, tổng là 270.000đ.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an tỉnh T ;
- UBND xã T , huyện T , tỉnh T
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng